

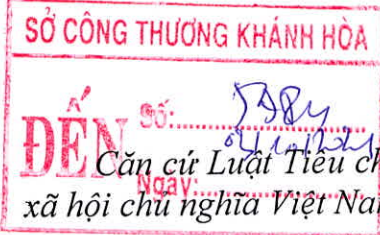
HKD MY LEN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/QĐ-BHTC

Khánh Hòa, ngày 06 tháng 09 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH



Về việc công bố hợp quy sản phẩm
CHỦ HỘ
HỘ KINH DOANH MY LEN

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/08/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Căn cứ Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư 21/2017/TT-BCT ngày 23/10/2017 của Bộ Công thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mức giới hạn hàm lượng Formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm Azo trong sản phẩm dệt may;

Căn cứ ngành nghề kinh doanh và quyền hạn của Chủ hộ Hộ kinh doanh My Len.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố hợp quy sản phẩm theo QCVN 01:2017/BCT của Bộ Công thương về mức giới hạn hàm lượng Formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm Azo trong sản phẩm dệt may.

Hiệu lực áp dụng: Áp dụng cho sản phẩm Thú bông móc len

Điều 2: Các bộ phận có liên quan của Hộ kinh doanh chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tất cả các nhân sự có liên quan;
- Lưu tại Hộ kinh doanh.

Chủ hộ

[Chữ ký]

Nguyễn Hồ Trà My

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY
Số: 37I8005587/202401

Tên tổ chức: Hộ kinh doanh My Len

Địa chỉ: Thôn Triệu Hải, xã Cam An Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 0938339150

Email: my.bmtk@gmail.com

CÔNG BỐ:

Sản phẩm, hàng hóa:

- Tên sản phẩm: Thú bông móc len

- Kiểu, loại: Đồ thủ công mỹ nghệ trang trí

- Nhãn hiệu: BABI HAUS

Đặc trưng kỹ thuật: Sản phẩm Thú bông móc len đan tay thủ công truyền thống từ sợi chỉ cotton, bông gòn và vải lót.

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 01:2017/BCT của Bộ Công thương về mức giới hạn hàm lượng Formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm Azo trong sản phẩm dệt may.

Thông tin bổ sung:

- Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BCT ngày 23/10/2017 của Bộ Công thương Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mức giới hạn hàm lượng Formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm Azo trong sản phẩm dệt may.

- Phương thức đánh giá sự phù hợp: Phương thức 7: Thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hóa (theo Thông tư 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật)

Loại hình đánh giá: Tự đánh giá.

Ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận Báo cáo tự đánh giá: 06/09/2024

Hộ kinh doanh My Len cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm Thú bông móc len do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển.

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 09 năm 2024

ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH
Chủ hộ



Nguyễn Hồ Trà My

SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH KHÁNH HÒA
HKD MY LEN
Số: 01/BCTĐGHQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 09 năm 2024

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Ngày đánh giá: Ngày 06 tháng 09 năm 2024

2. Địa điểm đánh giá

Tên tổ chức: Hộ kinh doanh My Len

Địa chỉ: Thôn Triệu Hải, xã Cam An Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 0938339150

Email: my.bmtk@gmail.com

3. Tên sản phẩm: Thú bông móc len

4. Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 01:2017/BCT của Bộ Công thương về mức giới hạn hàm lượng Formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm Azo trong sản phẩm dệt may.

5. Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm: Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO

6. Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và hiệu lực việc áp dụng

6.1. Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo quy chuẩn kỹ thuật áp dụng

6.1.1. Phương thức đánh giá sự phù hợp

Hộ kinh doanh My Len giá sự phù hợp của sản phẩm theo phương thức 7: Thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hóa (Theo Thông tư 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật).

6.1.2. Nội dung và trình tự thực hiện

6.1.2.1. Lấy mẫu thử nghiệm

Hộ kinh doanh lấy 01 (một) mẫu thử để thử nghiệm sản phẩm gồm 01 (một) mẫu ngẫu nhiên và 01 (một) mẫu đại diện. Mẫu thử nghiệm được lấy đảm bảo phù hợp với quy cách mẫu được quy định tại QCVN số 01:2017/BCT.

- Mẫu ngẫu nhiên là mẫu được lấy ngẫu nhiên từ một mặt hàng trong các sản phẩm Thú bông móc len của Hộ kinh doanh.

- Mẫu đại diện là mẫu được lấy ngẫu nhiên từ tập mẫu ngẫu nhiên đảm bảo tính đại diện cho các sản phẩm Thú bông móc len của Hộ kinh doanh.

6.1.2.2. Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm

Mẫu sản phẩm được thử nghiệm tại: Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO

6.1.2.3. Xử lý kết quả đánh giá sự phù hợp

Hộ kinh doanh căn cứ vào Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 01:2017/BCT của Bộ Công thương về mức giới hạn hàm lượng Formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm Azo trong sản phẩm dệt may và kết quả thử nghiệm sản phẩm để đánh giá sự phù hợp, chi tiết như sau:

- Đối với mẫu ngẫu nhiên:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa theo QCVN số 01:2017/BCT	Kết quả thử nghiệm	Đánh giá
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)
1	Hàm lượng Formaldehyt	mg/kg	30 (đối với sản phẩm nhóm 1)	KPH	Đạt
2	Hàm lượng Amin thơm	mg/kg			
-	Biphenyl-4-ylamine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	Benzidine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	4-chlor-o-toluidine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	2-naphthylamine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	o-aminoazotoluene	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	5-nitro-o-toluidine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	4-chloraniline	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	4-methoxy-m-phenylenediamine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	4,4'-diaminodiphenylmethane	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	3,3'-dichlorobenzidine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	3,3'-dimethoxybenzidine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	3,3'-dimethylbenzidine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	4,4'-methylenedi-o-toluidine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	p-cresidine	mg/kg	30	KPH	Đạt

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa theo QCVN số 01:2017/BCT	Kết quả thử nghiệm	Đánh giá
-	4,4'-methylene-bis-(2-chloro-aniline)	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	4,4'-oxydianiline	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	4,4'-thiodianiline	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	o-toluidine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	4-methyl-m-phenylenediamine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	2,4,5-trimethylaniline	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	o-anisidine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	4-aminoazobenzene	mg/kg	30	KPH	Đạt

- Đối với mẫu đại diện:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa theo QCVN số 01:2017/BCT	Kết quả thử nghiệm	Đánh giá
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)
1	Hàm lượng Formaldehyt	mg/kg	30 (đối với sản phẩm nhóm 1)	KPH	Đạt
2	Hàm lượng Amin thơm	mg/kg			
-	Biphenyl-4-ylamine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	Benzidine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	4-chlor-o-toluidine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	2-naphthylamine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	o-aminoazotoluene	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	5-nitro-o-toluidine	mg/kg	30	KPH	Đạt

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa theo QCVN số 01:2017/BCT	Kết quả thử nghiệm	Đánh giá
-	4-chloraniline	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	4-methoxy-m-phenylenediamine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	4,4'-diaminodiphenylmethane	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	3,3'-dichlorobenzidine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	3,3'-dimethoxybenzidine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	3,3'-dimethylbenzidine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	4,4'-methylenedi-o-toluidine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	p-cresidine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	4,4'-methylene-bis-(2-chloro-aniline)	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	4,4'-oxydianiline	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	4,4'-thiodianiline	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	o-toluidine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	4-methyl-m-phenylenediamine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	2,4,5-trimethylaniline	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	o-anisidine	mg/kg	30	KPH	Đạt
-	4-aminoazobenzene	mg/kg	30	KPH	Đạt

6.1.2.4. Kết luận về sự phù hợp

Kết quả kiểm nghiệm của 02 (hai) mẫu thử nghiệm đều phù hợp với mức quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 01:2017/BCT của Bộ Công thương về mức giới hạn hàm lượng Formaldehyt và các amin thơm chuyên hóa từ thuốc nhuộm Azo trong sản phẩm dệt may. Vì vậy, có thể kết luận sản phẩm Thú bông móc len của Hộ kinh doanh My Len hoàn toàn phù hợp với QCVN 01:2017/BCT.

6.2. Hiệu lực áp dụng

Áp dụng cho tất cả sản phẩm Thú bông móc len của Hộ kinh doanh My Len

7. Kết luận

- Sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật
 Sản phẩm không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật

8. Cam kết

Hộ kinh doanh My Len cam kết chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật này và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

Người đánh giá



Đỗ Thị Nam

Xác nhận của Hộ kinh doanh



Nguyễn Hồ Trà My

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.03

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Client name (Khách hàng) : HỘ KINH DOANH MY LEN
Address (Địa chỉ) : Thôn Triệu Hải, xã Cam An Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC132019028
Information provided by client : Thù bông mốc len
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 17/08/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 19/08/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 19/08/2024
Report date (Ngày trả kết quả) : 29/08/2024

TESTING RESULTS/ KẾT QUẢ (See next page/ Xem trang sau)

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHỊ

On behalf of NHO
Đại diện NHO



ĐÌNH HOÀNG THIÊN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.03



TESTING RESULTS/ KẾT QUẢ

Sample code/ Mã mẫu: YC132019028/1

Sample name/ Tên mẫu: Thù bông móc len

Information provided by client/
(Thông tin được khách hàng cung cấp) Thù bông móc len

Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Testing Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Formaldehyde ⁽¹⁾	TCVN 7421-1:2013	mg/kg	6.00	ND
Hàm lượng amine thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo ^(*)	Xem PHỤ LỤC: YC132019028/1	/	/	Xem PHỤ LỤC: YC132019028/1

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.03

PHU LỤC:

PHU LỤC:						
Code/ Mã mẫu:		YC132019028/1				
Name/ Tên mẫu:		Thú bông mốc len				
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)		Thú bông mốc len				
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Substance/ Chất	CAS N ^o	Test Method/ Phương pháp thử	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Hàm lượng amine thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo ^(*)	Biphenyl-4-ylamin/ 4-aminobiphenyl xenylamine	92-67-1	ISO 14362-1:2017; ISO 14362-3:2017	mg/kg	4.00	ND
	Benzidine	92-87-5				ND
	4-clo-o-toluidine	95-69-2				ND
	2-naphtylamine	91-59-8				ND
	o-aminoazotoluen/ 4-amino-2',3-dimethylazobenzen/ 4-o-tolylazo-o-toluidine	97-56-3				ND
	5-nitro-o-toluidine	99-55-8				ND
	4-chloraniline	106-47-8				ND
	4-methoxy-m-phenylenediamine	615-05-4				ND
	4,4'-diaminodiphenylmethane/ 4,4'-methylenedianiline	101-77-9				ND
	3,3'-dichlorobenzidine/ 3,3'-dichlorobiphenyl-4,4'-ylenediamine	91-94-1				ND
	3,3'-dimethoxybenzidine/ o-dianisidine	119-90-4				ND
	3,3'-dimethylbenzidine/ 4,4'-bi-o-toluidine	119-93-7				ND
	4,4'-methylenedi-o-toluidine	838-88-0				ND
	6-methoxy-m-toluidine/ p-cresidine	120-71-8				ND
	4,4'-methylene-bis-(2-chloro-aniline)	101-14-4				ND
	4,4'-oxydianiline	101-80-4				ND
	4,4'-thiodianiline	139-65-1				ND
	o-toluidine/ 2-aminotoluene	95-53-4				ND
	4-methyl-m-phenylenediamine	95-80-7				ND
	2,4,5-trimethylaniline	137-17-7				ND
o-anisidine/ 2-methoxyaniline	90-04-0	ND				
4-aminoazobenzene	60-09-3	ND				

